**Đặng Thị Thu Hà**

**Dangthuhadu1983@gmail.com**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn – Lớp 8**

(Thời gian làm bài: 90 phút)

**1. KHUNG MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | 5 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 | **0** | **6,0** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề của đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **4,0** |
| **Tổng điểm** | | | ***2,5*** | ***0,5*** | ***1,5*** | ***1,5*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***1,0*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30** | | **30** | | **30** | | **10** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**2. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| Truyện cười | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, cốt truyện, tình huống, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong truyện cười.  - Nhận biết được các yếu tố gây cười trong truyện cười.  - Nhận biết được đối tượng trào phúng, châm biếm trong truyện cười.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của tác giả dân gian với đối tượng trào phúng thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được tác dụng của các chi tiết, tình huống gây cười.  - Khái quát, rút ra được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. | 5TN | 3TN  1TL | 1TL |  |
| **Viết** | Nghị luận về một vấn đề của đời sống | **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và thể hiện rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. |  |  |  | 1TL |
| **Tổng** | |  | **5TN** | **3TN**  **1TL** | **1TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ %** | |  | **30** | **30** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung %** | |  | **60%** | | **40%** | |

**3. ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm): Đọc văn bản sau:**

**CON RẮN VUÔNG**

Anh chàng nọ tính khoác lác đã quen. Bữa kia đi chơi về bảo vợ:

– Này mình ạ! Hôm nay tôi đi vào rừng trông thấy một con rắn, chao ôi, to đến là to, dài đến là dài. Bề ngang thì chắc chắn là bốn mươi thước rồi, còn bề dài thì dễ đến hơn trăm thước.

Vợ không tin, nhưng cũng định trêu chồng một mẻ:

– Tôi nghe người ta nói có rắn dài đã nhiều. Nhưng làm gì có giống rắn dài như anh nói thế. Tôi nhất định không tin.

Chồng làm như thật:

– Thật quả có rắn như thế. Dài hơn một trăm thước thì chẳng đến, nhưng tám mươi thì nhất định!

Vợ bĩu môi:

– Cũng chẳng đến!

Chồng cương quyết:

– Tôi chắc chắn là nó dài sáu mươi thước chứ không ngoa.

Vợ vẫn khăng khăng:

– Vẫn không dài đến nước ấy đâu!

Chồng rút lui một lần nữa:

– Lần này tôi nói thật nhé. Con rắn dài đến bốn mươi thước, không kém một phân.

Vợ bò lăn ra cười:

– Con rắn anh thấy, bề ngang đã chắc chắn là bốn mươi thước, bề dài cũng lại đến bốn mươi thước không kém một phân thì chẳng hoá ra là con rắn vuông à?

(Nguồn: TruyenDanGian.Com )

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. *(0,5 điểm)* Văn bản thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngắn B. Hài kịch C. Truyện cổ tích D. Truyện cười

**Câu 2.** *(0,5 điểm)* Đề tài của văn bản là gì?

A. Chế giễu thói hư tật xấu B. Giải trí, mua vui

C. Xây dựng đạo lí D. Nêu lên hiện tượng lạ

**Câu 3.** *(0.5 điểm)* Nhân vật chính trong văn bản là ai?

A. Người vợ B. Người chồng C. Hai vợ chồng D. Con rắn vuông

**Câu 4**. *(0,5 điểm)* Anh chồng trong văn bản đại diện cho thói xấu nào?

A. Thói khoe khoang B. Thói tham lam

C. Thói khoác lác D. Thói gian dối

**Câu 5**. *(0,5 điểm)* Người vợ trong văn bản đã trêu chồng như thế nào?

A.Cố tình không tin câu chuyện chồng kể

B. Tỏ ra tin tưởng và tò mò về câu chuyện con rắn

C. Tỏ thái độ ngạc nhiên và dồn hỏi chồng liên tục

D. Giả vờ tin câu chuyện chồng kể là có thật

**Câu 6**. *(0,5 điểm)* Vì sao anh chồng liên tục thay đổi câu trả lời trước những câu hỏi của vợ về con rắn?

A. Vì anh ta không nhìn kĩ con rắn

B. Vì khả năng ước lượng của anh ta kém

C. Vì anh ta sợ vợ không tin mình

D. Vì chuyện anh ta kể vốn không có thật

**Câu 7**. *(0,5 điểm)* Thủ pháp nghệ thuật nổi bật nhất trong văn bản là gì?

A. Thông qua lời nói để nhân vật bộc lộ bản chất của mình

B. Xây dựng tình huống nghịch lí để nhân vật bộc lộ bản chất

C. Thông qua hành động để bộc lộ bản chất của nhân vật

D. Tạo ra tình huống trớ trêu để bộc lộ bản chất của nhân vật

**Câu 8.** *(0,5 điểm)* Câu nói bộc lộ rõ nhất tính cách của anh chồng là:

A. “Hôm nay tôi đi vào rừng trông thấy một con rắn, chao ôi, to đến là to, dài đến là dài. Bề ngang thì chắc chắn là bốn mươi thước rồi, còn bề dài thì dễ đến hơn trăm thước.”

B. “Thật quả có rắn như thế. Dài hơn một trăm thước thì chẳng đến, nhưng tám mươi thì nhất định!”

C. “Lần này tôi nói thật nhé. Con rắn dài đến bốn mươi thước, không kém một phân.”

D. “Tôi chắc chắn là nó dài sáu mươi thước chứ không ngoa.”

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. *(1,0 điểm)* Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu *“Con rắn anh thấy, bề ngang đã chắc chắn là bốn mươi thước, bề dài cũng lại đến bốn mươi thước không kém một phân thì chẳng hoá ra là con rắn vuông à?”*

**Câu 10** *(1,0 điểm)* Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì cho bản thân?

**II. VIẾT (4.0 điểm):** Em hãy viết bài văn nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU (6,0 ĐIỂM)** | | |
| **1** | D | **0,5** |
| **2** | A | **0,5** |
| **3** | B | **0,5** |
| **4** | C | **0,5** |
| **5** | C | **0,5** |
| **6** | D | **0,5** |
| **7** | A | **0,5** |
| **8** | D | **0,5** |
| **9** | HS nêu được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu nói của người vợ:  - Nghĩa tường minh: Con rắn dài hai mươi thước, ngang hai mươi thước là con rắn vuông à?  - Nghĩa hàm ẩn: Làm gì có con rắn nào như thế. | **1,0** |
| **10** | HS nêu được bài học:  - Phê phán những người thiếu kiến thức nhưng lại hay khoác lác, phóng đại sự việc  - Cần trung thực, tôn trọng sự thật, không nên khoác lác... | **1,0** |
| **II** | **VIẾT (4,0 ĐIỂM)** | | |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:* 3 phần:  - Mở bài nêu được vấn đề  - Thân bài triển khai được vấn đề  - Kết bài khái quát được vấn đề | 0, 25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại | 0, 25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:* HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  - Làm rõ vấn đề nghị luận;  - Trình bày ý kiến phê phán, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở;  - Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của người viết và tranh luận với ý kiến đó;  - Khẳng định ý kiến và rút ra bài học. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |